BÀI GIẢNG: TRI THỨC NGỮ VĂN – NHÌN VỀ VỐN VĂN HÓA DÂN TỘC
CHUYÊN ĐỀ: LẬP LUẬN TRONG VĂN BẢN NGHỊ LUẬN
MÔN: NGỮ VĂN 12 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG
GIÁO VIÊN: NGUYỄN THỊ HƯƠNG THỦY

MỤC TIÊU

- ✓ *Nắm được kiến thức về văn bản nghị luận*
- ✓ *Vận dụng đọc hiểu tác phẩm liên quan.*

TRI THỨC NGỮ VĂN

- Lập luận trong văn bản nghị luận là sử dụng lí lẽ và bằng chứng phù hợp để thuyết phục người đọc.
- Chứng minh là dùng lí lẽ và bằng chứng giúp người đọc thấy rằng ý kiến được nêu là hoàn toàn có cơ sở, đáng tin cậy.
- Bình luận là đánh giá về sự đúng – sai, hay – dở, tốt – xấu, tích cực – tiêu cực của một quan điểm, ý kiến, sự việc, hành động.
- Bác bỏ là chỉ ra sự sai lầm, phiến diện, thiếu chính xác của một quan điểm, ý kiến, từ đó củng cố điều người viết xem là lẽ phải, chân lí.
- Giải thích cắt nghĩa về đối tượng (sự vật, hiện tượng, khái niệm,..) một cách chi tiết, tỉ mỉ, tạo điều kiện cho người đọc hiểu rõ vấn đề nghị luận trong văn bản.
- Thao tác chia tách đối tượng thành nhiều bộ phận, giúp người đọc thấy rõ hơn các yếu tố và mối quan hệ giữa các yếu tố tạo nên nó được gọi là thao tác phân tích.
- So sánh là đặt đối tượng này bên cạnh đối tượng khác để nhận ra điểm tương đồng và khác biệt giữa chúng, qua đó làm nổi bật nét đặc thù của đối tượng được bàn luận.

=> Các thao tác lập luận trong văn bản nghị luận: giải thích, bình luận, phân tích, chứng minh, bác bỏ, so sánh.

I. TÌM HIỂU CHUNG – NHÌN VỀ VỐN VĂN HÓA DÂN TỘC

1 Tác giả

- Trần Đình Hượu là chuyên gia nghiên cứu tư vấn phương Đông, văn hóa, văn học Việt Nam Trung đại.

2 Tác phẩm

Nhìn về vốn văn hóa dân tộc: Nghiên cứu về đặc sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.

II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

1 Mạch lập luận

a. Hệ thống luận điểm:

* Nền văn hóa còn nhiều điểm khiêm tốn.

- Lí lẽ: Giữa các dân tộc chúng ta không thể tự hào là nền văn hóa của ta đồ sộ, có những cống hiến lớn lao hay những đặc sắc nổi bật.

- Bằng chứng:

+ Thần thoại không phong phú.

+ Tôn giáo ít được quan tâm tới giáo lí.

+ Không có ngành khoa học, kĩ thuật phát triển.

+ Âm nhạc hội họa, kiến trúc không phát triển đến độ tuyệt kĩ.

+ Số lượng thơ ca xuất chúng không quá đồ sộ.

* Nền văn hóa gắn với tinh thần thiết thực.

- Lí lẽ: Không có khát vọng để hướng đến những sự sáng tạo lớn mà nhạy cảm, tinh nhanh, khôn khéo gỡ khó khăn, tìm được sụ bình ổn.

- Bằng chứng:

+ Tín ngưỡng tâm linh: Coi trong tương lai của con cháu hơn linh hồn của mình.

+ Ý thức của cải: Yên phận thủ thường, coi vật chất là cái tmaj thời.

+ Quan niệm về con người: Ưa chuộng con người hiền lành, tình nghĩa hơn con người trí dũng.

+ Quan niệm về cái đẹp: Ưa thích cái xinh xắn, khéo léo hơn cái tráng lệ, kì vĩ.

* Nền văn hóa linh hoạt, hòa hợp.

- Lí lẽ: Văn hóa Việt Nam là kết quả của sự dung hợp của cái vốn có trong văn há Phật giáo, Nho giáo được dân tộc sàng lọc để thành bản sắc của riêng mình.

- Bằng chứng:

+ Phật giáo không được tiếp nhận ở khía cạnh trí tuệ, cầu giải thoát.

+ Nho giáo không được tiếp cận ở phương diện nghi lễ tủn mủn, giáo điều khắc nghiệt.

b. Thái độ của tác giả:

- Khách quan, thẳng thắn: Chỉ ra những hạn chế khiến văn hóa Việt Nam chưa thể trở thành một nền văn hóa đồ sộ, có vị thế quan trọng trên bản đồ thế giới.

- Tôn trọng, đề cao: Lí giải được những đặc điểm của văn hóa Việt Nam đều xuất phát từ đời sống tinh thần đáng quý, đáng trân trọng của cong người Việt Nam.

2 Thao tác lập luận

- Thao tác chứng minh: Kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng trong từng luận điểm.

- Thao tác phân tích: Phân tách vấn đề "văn hóa" thành các lĩnh vực cụ thể: tôn giáo, nghệ thuật, quan niệm nhân sinh….

- Thao tác bình luận: Lí giải nguyên nhân dẫn đến những đặc trưng của văn hóa Việt Nam.

III. LUYỆN TẬP

So sánh đặc điểm văn hóa Việt Nam được trình bày trong văn bản Nhìn về vốn văn hóa dân tộc với đoạn thơ sau:

Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi

Đất Nước có trong những cái "ngày xửa ngày xưa..." mẹ thường hay kể

Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn

Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc

Tóc mẹ thì bới sau đầu

Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn

Cái kèo, cái cột thành tên

Hạt gạo phải một nắng hai sương xay, giã, giần, sàng

Đất Nước có từ ngày đó...

Gợi ý:

- Điểm tương đồng: Cả hai tác phẩm đều bàn luận về Đất Nước ở góc độ văn hóa.
- Điểm khác biệt:

+ Nhìn về vốn văn hóa dân tộc: Trần Đình Hượu đã trình bày dưới dạng nghị luận với các luận điểm, bằng chứng và lí lẽ một cách khoa học.

+ Đất Nước: Văn hóa dân tộc được hiện lên thôn qua hình ảnh biểu tượng, ngôn ngữ thơ ca.

IV. VẬN DỤNG

Viết đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về vấn đề: Trong suốt quá trình hiện đại hóa đất nước, việc tìm hiểu truyền thống văn hóa dân tộc là rất cần thiết.